Đề thi Học kì 2 theo Thông tư 22

Năm học 2021 - 2022

Bài thi môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Đề số 2)

Họ và tên: ..... Lớp.....

I. Phần trắc nghiệm: Khoanh tròn vào trước câu trả lời đúng

Câu 1 (0.5đ). Số gồm năm chục nghìn, sáu nghìn, hai trăm, tám đơn vị viết là:

A. 56 208 B. 56 200 C. 56 280 D. 56 218

Câu 2 (0.5đ). Số liền trước số lớn nhất có năm chữ số là:

A. 90 000 B. 99 998 C. 100000 D. 99 999

Câu 3 (0.5đ). Số 19 viết theo số La Mã là:

A. XVIIII B. XXI C. XIX D. IXX

Câu 4 (0.5đ). Đổi 1km = ... m. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 10000 B. 1001 C. 1000 D. 100

Câu 5 (1đ). Hình vuông có cạnh là 8cm thì diện tích là:

A. 32 cm^2 B. 64cm^2 C. 64cm D. 32cm

Câu 6 (1đ): Chu vi hình chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 5cm là:

A. 24cm B. 12cm C. 24 cm^2 D. 35cm^2

II. Phần tự luận

Câu 7 (2đ). Đặt tính rồi tính:

23415 + 62819 =

53409 – 19232 =

16132 x 6 =

93602 : 8 = dư

LIVEWORKSHEETS

Câu 8 (1đ). Tìm X:

71542 - x = 51079

x =

x =

x : 3 = 17420

x =

x =

Câu 9 (2đ). Có 5 xe tải chở được 36 700kg hàng. Hỏi 7 xe tải như thế chở được bao nhiêu ki – lô – gam hàng? (Biết mức chở của mỗi xe là như nhau).

Bài giải:

.....

= ( )

.....

= ( )

Đáp số:

Câu 10 (1đ).

a) Tích của số lớn nhất có 4 chữ số với số chẵn lớn nhất có 1 chữ số là:

b) Tính nhanh:

(61273 + 27981 - 2981 - 3273) x (9 x 4 - 36) =

LIVEWORKSHEETS